

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2025/DS-ST

Ngày: 23-6-2025

V/v tranh chấp:

“Hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG – TỈNH LONG AN

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Sắc.

2. Ông Trương Quang Trung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lệ Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Bé Thơ – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 tháng 5, ngày 12 và 23 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2025/QĐXX-ST ngày 31 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Đỗ Thị Mộng T, sinh năm: 1977; Địa chỉ: Ấp K, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. **Bị đơn:** Ông Thái Văn M, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Long An.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Huỳnh Tuấn D, sinh năm 1991; Địa chỉ: Khóm L, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang.

- Ông Diệp Thanh T1, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Ông Lê Văn Vũ K, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/10/2024 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đỗ Thị Mộng T trình bày:

Vào năm 2018, ông Thái Văn M có mua thức ăn thủy hải sản của hộ kinh doanh H1, Hoàng Quyên 1 nhiều lần để nuôi cá tra, khi hộ kinh doanh giao thức ăn cho cá thì ghi sổ nợ, đến khi thu hoạch cá thì trả tiền, đến nay ông M còn thiếu lại

tiền thức ăn cho cá, trong sổ sách theo dõi công nợ thì ông M còn nợ lại 21.300.000 đồng. Nay bà T yêu cầu ông Thái Văn M phải trả số tiền 21.300.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn ông Thái Văn M trình bày:

Ông M thừa nhận có mua thức ăn chăn nuôi cá tra ở hộ kinh doanh H1, Hoàng Q 1 từ năm 2018 đến năm 2020 có nợ số tiền 21.300.000 đồng và đã trả hết nợ, trả tại cửa hàng H2 ở thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An, đến nay không còn nợ nên yêu cầu của bà T ông M không đồng ý.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Diệp Thanh T1 cho rằng ông chỉ đứng tên trong giấy phép kinh doanh là đứng hộ cho bà Đỗ Thị Mộng T, không có quan hệ mua bán thức ăn chăn nuôi cá với khách hàng, đồng thời nợ là do ông D và nhân viên khác thu và theo dõi nợ. Nay ông đồng ý để bà T đòi tiền các cá nhân còn thiếu nợ.

Ông Huỳnh Tuấn D cho rằng ông có tham gia thu nợ của Hoàng Q do ông H (chồng của bà T) ủy quyền thu nợ và khởi kiện. Đối với ông Thái Văn M, ông D cho rằng ông bán hàng hóa thức ăn cá cho ông M, trong sổ nợ ông có xóa ba vòng chữ, ba vòng chữ có xóa phía dưới sổ là do ông xóa lý do khi ông M điện thoại đặt hàng thức ăn cho cá 20 bao C35 (1) x 430.000đ = 8.600.000đ khi giao ông không có gặp ông M nên không giao được, trả về và ông đã xóa bỏ, thường tài xế giao hàng là có sổ ghi trước, khi về đối chiếu thì ghi thêm hoặc xóa.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng quy định; của Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

Đối với yêu cầu của bà T: Yêu cầu ông M trả cho bà số tiền nợ gốc là 21.300.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì căn cứ vào giấy mua bán hàng ngày 15/8/2019 có chữ ký của ông C (tên gọi khác của ông M) thể hiện ông M có mua thức ăn với số tiền là 71.000.000 đồng, trả 49.700.000 đồng, còn nợ tiền mua bán thức ăn số tiền 21.300.000 đồng. Ông M thừa nhận có mua thức ăn của Đại lý thức ăn H3 ở thị trấn T, ông đã trả hết nợ cho Đại lý, ông không có nợ nhưng ông không có căn cứ chứng minh. Do ông M (tên gọi khác C) vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho bà T nên ông M phải có trách nhiệm trả nợ cho bà T. Do đó, bà T yêu cầu ông M phải trả cho bà T số tiền gốc là 21.300.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất là phù hợp với quy định tại Điều 430, 440 BLDS năm 2015.

Từ những nhận định trên xét thấy yêu cầu của bà T là có căn cứ xem xét chấp nhận theo quy định tại Điều 430, 440 BLDS năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bà Đỗ Thị Mộng T khởi kiện yêu cầu ông Thái Văn M trả tiền mua thức ăn cho cá, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh

chấp trong vụ kiện này là tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Lê Văn Vũ K, ông Huỳnh Tuấn D, ông Diệp Thanh T1.

[2]. Về nội dung vụ án:

Bà Đỗ Thị Mộng T yêu cầu ông Thái Văn M trả tiền còn nợ thức ăn nuôi cá số tiền 21.300.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

[3]. Hội đồng xét xử nhận định:

[3.1] Bà Đỗ Thị Mộng T cung cấp cho Tòa án 01 tờ giấy tập học sinh viết bút mực xanh và bút mực đỏ ghi:

“15/8/2019 (2) 200b x 355 = 71.000

TC nợ 21.300.000đ

Gởi về (49.700.000đ)

- cường

Có nhận anh cường 46.900.000

người nhận tài xế K còn nợ 21.300”

Tờ giấy ghi theo dõi bán hàng và ghi nhiều loại mực, ghi không rõ, như ghi số tiền 71.000, 21.300, gởi về 49.700.000đ tài xế nhận Khanh 46.900.000 còn nợ 21.300, thời gian ghi mực đó có cùng hay không thì không ai rõ.

Nhưng ông Thái Văn M thừa nhận có mua vật tư thủy hải sản của bà T là 200 bao thức ăn x 355.000đ/bao = 71.000.000đ, khi nhận trả trước 49.700.000đ, còn nợ lại 21.300.000đ, nhưng ông M không chứng minh được đã trả số tiền 21.300.000 đồng, do đó yêu cầu của bà T có cơ sở chấp nhận, bà T không yêu cầu tính lãi suất là phù hợp.

[3.2] Đối với sổ khách hàng, mua hàng tại cửa hàng huyện T do ông Diệp Thanh T1 đứng tên trong giấy phép kinh doanh, nhưng thuộc quyền sở hữu về tài sản là của gia đình bà T, nay ông T1 đồng ý cho bà T đứng ra khỏi kiện là phù hợp.

[3.3] Đối với ý kiến của ông Huỳnh Tuấn D là người được chồng bà T là ông Võ Văn H ủy quyền cho ông Duy T2 hiên đòi nợ cho hộ kinh doanh Hoàng Q cho rằng khi đi thu nợ chưa thu nợ của ông M, và ông D cho rằng ba vòng chữ có xóa phía dưới sổ là do ông Duy X, lý do xóa ông M điện thoại đặt hàng thức ăn cho cá 20 bao C35(1) x 430.000đ = 8.600.000đ khi giao không có gặp ông M nên không giao được nên ông D đã xóa bỏ, thường tài xế giao hàng có sổ ghi trước, khi về đối chiếu lại thì ghi thêm hoặc xóa.

Từ [3.1] – [3.3] nhận định của Hội đồng xét xử: Trên cơ sở thừa nhận của ông M có nợ 21.300.000 đồng nhưng ông không chứng minh được ông đã trả rồi, nên ông Thái Văn M còn nợ bà Đỗ Thị Mộng T số tiền 21.300.000 đồng. Nên yêu cầu của bà T là có cơ sở chấp nhận.

[3.4] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng là có căn cứ chấp nhận.

[3.5] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Ông Thái Văn M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho bà T.

Bà Đỗ Thị Mộng T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Các Điều 385, 386, 357, 388, 430, 440 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;
Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Mộng T đối với ông Thái Văn M về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”.

Ông Thái Văn M có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị Mộng T số tiền 21.300.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Ông Thái Văn M phải chịu 1.065.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đỗ Thị Mộng T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho bà T 800.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002238 ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện/tỉnh;
- Chi cục THADS;
- Các Đ/s;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Văn Thành